Họ và tên:..... Lớp:.....

BÀI 3. NGUYÊN TỐ

Câu 1. Cho các kí hiệu hóa học sau: H, Li, NA, O, Ne, AL, CA, K, N.
Số kí hiệu hóa học viết **sai**.
A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 2. Kí hiệu hoá học của nguyên tố chlorine là
A. CL. **B.** cL. **C.** cl. **D.** Cl.

Câu 3. Nguyên tố hoá học là tập hợp nguyên tử cùng loại có....
A. cùng số neutron trong hạt nhân. **B.** cùng số proton trong hạt nhân.
C. cùng số electron trong hạt nhân. **D.** cùng số proton và số neutron trong hạt nhân.

Câu 4. Điền từ phù hợp vào chỗ trống: *"Số..... là số đặc trưng của một nguyên tố hoá học"*
A. proton. **B.** electron. **C.** neutron. **D.** neutron và electron

Câu 5. Nguyên tố calcium có kí hiệu hóa học là
A. ca. **B.** Ca **C.** cA. **D.** C.

Câu 6. Kí hiệu nào sau đây là kí hiệu hóa học của nguyên tố magnesium?
A. MG. **B.** Mg. **C.** mg. **D.** mG.

Câu 7. Kí hiệu hóa học của nguyên tố lưu huỳnh (sulfur) là
A. Ni. **B.** Ag. **C.** Fe. **D.** S.

Câu 8. Tên gọi theo IUPAC của nguyên tố ứng với kí hiệu hóa học Na là
A. Natri. **B.** Nitrogen. **C.** Natrium. **D.** Sodium.

Câu 9. (Nguyên tố phosphorus chiếm khoảng 1% khối lượng cơ thể người. Nguyên tố này có các chức năng sinh lí như: cùng với calcium cấu tạo nên xương, răng; hóa hợp với protein, lipid và glucid để tham gia cấu tạo nên tế bào và đặc biệt là màng tế bào. Kí hiệu hóa học của phosphorus là gì?
A. Pd. **B.** Pb. **C.** P. **D.** Ph.

Câu 10. Bốn nguyên tố carbon, oxygen, hydrogen và nitrogen chiếm khoảng 96% trọng lượng cơ thể người, các nguyên tố phosphorus (S), sulfur (S), calcium (Ca) và potassium (K),… chiếm xấp xỉ 4%. Kí hiệu hóa học của các nguyên tố carbon, oxygen, hydrogen và nitrogen lần lượt là
A. C, H, Na, Ca. **B.** C, H, O, Na. **C.** C, H, S, O. **D.** C, O, H, N.

Câu 11. X là một nguyên tố vi lượng cần thiết cho sự phát triển thể chất, tinh thần và giúp điều hòa chuyển hóa năng lượng, ngăn ngừa bệnh bướu cổ ở người. Tên gọi của X là
A. iodine. **B.** chlorine. **C.** oxygen. **D.** nitrogen.

Câu 12. Nguyên tố phổ biến nhất trong lớp vỏ Trái Đất là
A. hydrogen (H). **B.** oxygen (O). **C.** helium (He). **D.** nitrogen (N).

Câu 13. Có bao nhiêu nguyên tố hóa học được tìm thấy ngoài tự nhiên?
A. 118. **B.** 94. **C.** 98. **D.** 1000000.

Câu 14. Than chì và kim cương đều được tạo thành từ nguyên tử nguyên tố
A. carbon. **B.** copper. **C.** iron. **D.** phosphorus.

Câu 15. Nguyên tử Ca (40 amu) nặng hay nhẹ hơn so với nguyên tử O (16amu)?
A. Nặng hơn 0,4 lần. **B.** Nhẹ hơn 2,5 lần. **C.** Nhẹ hơn 0,4 lần. **D.** Nặng hơn 2,5 lần.

Câu 16. Nguyên tố hoá học tham gia trong cấu tạo của xương và răng của người và động vật là
A. calcium. **B.** sodium. **C.** magnesium. **D.** potassium.

Câu 17. Cho các nguyên tố hóa học sau: hydrogen, magnesium, oxygen, potassium, silicon.
Số nguyên tố có kí hiệu hóa học gồm 1 chữ cái là
A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 1.

Câu 18. Phát biểu nào dưới đây **không** đúng?
A. Nguyên tố nitrogen có kí hiệu hóa học là N.
B. Những nguyên tử có cùng số proton thuộc cùng một nguyên tố hóa học.
C. Tên gọi theo IUPAC của nguyên tố có kí hiệu hóa học Ca là Carbon.
D. Bốn nguyên tố carbon, oxygen, hydrogen và nitrogen chiếm khoảng 96% trọng lượng cơ thể người.

Câu 19. Mặt trời chứa hydrogen, 25% helium và 2% các nguyên tố hóa học khác. Phần trăm nguyên tố hydrogen có trong Mặt Trời là
A. 27%. **B.** 62%. **C.** 25%. **D.** 73%.

Câu 20. Cho mô hình cấu tạo của các nguyên tử A, B, D như sau:

LIVEWORKSHEETS

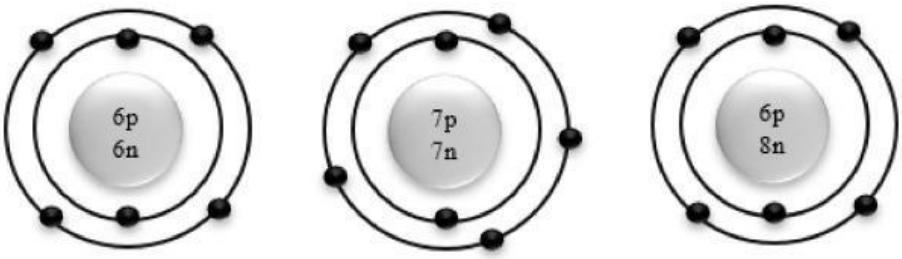

A **B** **D**

Cho biết nguyên tử nào cùng thuộc một nguyên tố hóa học?

A. A, B, D. **B.** A, B. **C.** A, D. **D.** B, D.

Câu 21. Cho thành phần các nguyên tử như sau: X (17p, 17e, 16n), Y (20p, 19n, 20e), Z (17p, 17e, 16 n), T (19p, 19e, 20n). Có bao nhiêu nguyên tố hóa học?

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 22. Cho các nguyên tử được kí hiệu bởi các chữ cái và số proton trong mỗi nguyên tử như sau:

Nguyên tử	**X**	**Y**	**Z**	**R**	**E**	**Q**
Số proton	5	8	17	6	9	17

Các nguyên tử thuộc cùng một nguyên tố hoá học là

A. X, Y **B.** Z, Q **C.** R, E **D.** Y, E

Câu 23. Cho hình ảnh 3 nguyên tử X, Y, Z.

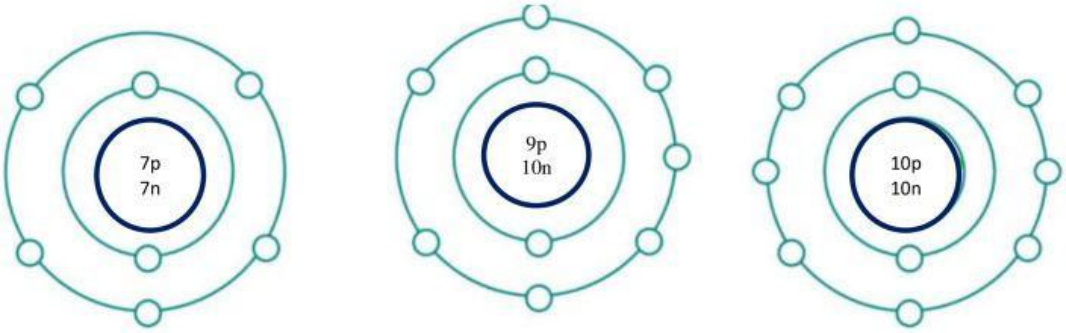

(X) **(Y)** **(Z)**

Cho các phát biểu sau về nguyên tử X, Y, Z. Số phát biểu đúng là

(a) Nguyên tử X, Y, Z đều có số hạt proton bằng số hạt electron.
(b) Nguyên tử X, Y, Z thuộc cùng 1 nguyên tố hóa học.
(c) 4 nguyên tử Z có khối lượng bằng 2 nguyên tử calcium (20p, 20n).
(d) Kí hiệu hóa học của X, Y, Z lần lượt là Ni, F, Ne.

A. 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

Câu 24. Nguyên tử Y có tổng các hạt cơ bản là 87. Hạt mang điện nhiều hơn hạt không mang điện là 25. Y là

A. Fe (56 amu). **B.** Zn (65 amu). **C.** Ni (59 amu) **D.** Cu (64 amu).

Câu 25. Tổng số hạt cơ bản trong nguyên tử X là 21 và số hạt không mang điện chiếm 33,33%. Nguyên tử X là

A. Nitrogen. **B.** Oxygen. **C.** Florine. **D.** Neon.

Câu 26. Nguyên tử X có tổng số hạt cơ bản là 36. Trong đó tổng số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 12 hạt. X có kí hiệu hóa học là

A. Na. **B.** Mg. **C.** Al. **D.** Si.

Câu 27. Cho bảng sau, Phát biểu nào sau đây là đúng?

Nguyên tử	**Số proton**	**Số neutron**	**Số electron**
X1	8	9	8
X2	8	8	8
X3	6	6	6

A. X1, X2 thuộc cùng một nguyên tố hóa học.
B. X1, X2, X3 có tổng số hạt mang điện lần lượt là: 17, 16, 12.
C. Khối lượng nguyên tử X1, X2, X3 theo đơn vị amu lần lượt là: 17, 15, 12.
D. Tổng số hạt của X2 lớn hơn tổng số hạt của X1.

LIVEWORKSHEETS